

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 4 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn

2. Bà Trần Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị A, sinh năm 1972; thường trú: Số A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Diệp H, sinh năm 1971; thường trú: Số A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị A trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn bà A và ông H có thời gian gặp gỡ tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 74 cấp ngày 26/4/1999. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại Số A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Thời gian đầu chung sống với nhau, vợ chồng rất hạnh phúc, đến sau này cuộc sống vợ chồng giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng vì bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù cả hai nhiều lần cố gắng để cùng nhau hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, thực tế cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Diệp Anh T, sinh ngày 16/8/1999 (đã trưởng thành), Diệp Anh T1, sinh ngày 24/3/2002 (đã trưởng thành) và Diệp Minh T2, sinh ngày 11/11/2011. Khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Diệp Minh T2 và không yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nghĩa vụ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Diệp H:* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 14/3/2024 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 08/4/2024 và 26/4/2024 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Bà Phạm Thị A yêu cầu được ly hôn, nuôi con với ông Diệp H nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Diệp H có nơi cư trú tại: Số A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị A và ông Diệp H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 74 cấp ngày 26/4/1999 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng bà A xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà A. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng bà A và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Khi giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Diệp Minh T2 tại bản tự khai ngày 14/3/2024 có nguyện vọng được sống cùng bà A khi bố mẹ ly hôn. Để ổn định tâm lý và cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao cháu cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Đ a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị A đối với bị đơn ông Diệp H về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị A được ly hôn với ông Diệp H (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 74 cấp ngày 26/4/1999 do Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp).

- Về con chung: Giao con chung là Diệp Minh T2, sinh ngày 11/11/2011 cho bà Phạm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị A không yêu cầu ông Diệp H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà Phạm Thị A và ông Diệp H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Bà Phạm Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0001559 ngày 17/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Nam